

Số: 505/BC-UBND

Krông Pắc, ngày 18 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021

Năm 2020 là năm có ý nghĩa quan trọng, năm cuối của nhiệm kỳ kế hoạch 2015-2020, chuẩn bị tạo đà cho nhiệm kỳ 2020-2025 thực hiện năm 2021. Trong năm qua dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, HĐND huyện, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện với tinh thần quan tâm cao đã đạt một số kết quả khả quan như: Tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người,... đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, trong năm qua tình hình thời tiết có lúc không thuận lợi, hạn hán, mưa bão, dịch bệnh Covid 19, dịch bệnh trong chăn nuôi xảy ra ở một số nơi đã ảnh hưởng đến đời sống cũng như sản xuất của nhân dân trên địa bàn huyện; an ninh, trật tự có nơi vẫn còn nhiều tiềm ẩn phức tạp khó lường đã phần nào ảnh hưởng đến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020. Kết quả cụ thể như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

Tổng giá trị sản xuất toàn nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 13.351 tỷ đồng/KH 13.330 tỷ đồng, đạt 100,16%.

Tăng trưởng kinh tế 10,56%/KH 10%, trong đó: Nông, lâm nghiệp tăng 7,31%/KH 6,25%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 16,01%/KH 12,6%; Dịch vụ 13,63%/KH 14,7%.

Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp, chiếm 55,73%/KH 55,68%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, chiếm 16,85%/KH 16,5%; Dịch vụ, chiếm 27,42%/KH 27,82%.

Huy động vốn đầu tư toàn xã hội 1.309 tỷ đồng/KH 1.309 tỷ đồng, đạt 100%, so với cùng kỳ năm 2019 tăng 35,79%.

Thu nhập bình quân đầu người 45,30 triệu đồng/người/năm, đạt 100,02% kế hoạch.

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp

Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; thời tiết tương đối thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là cây trồng ngắn ngày, các địa phương đã chủ động xây dựng các kế hoạch sản xuất, giải pháp về biến đổi khí hậu, cũng như lịch thời vụ, cơ cấu giống, phù hợp với điều kiện canh tác của từng vùng nhằm tăng

năng suất, nâng cao thu nhập trên cùng đơn vị diện tích. Cơ cấu mùa vụ chuyển biến mạnh mẽ theo hướng tích cực, đưa các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng sâu bệnh vào sản xuất, chú trọng sản xuất số lượng đi đôi với chất lượng, gắn với thị trường đã góp phần tăng năng suất, sản lượng và tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác.

- Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng thực hiện 61.257 ha/KH 60.411 ha, đạt 101,4% kế hoạch, so với cùng kỳ năm 2019 tăng 1,4%, trong đó: diện tích cây hàng năm 35.157 ha/KH 35.000 ha, đạt 100,5%, so với cùng kỳ năm 2019 tăng 2,64%¹; diện tích cây lâu năm 26.082 ha/KH 25.411 ha, đạt 102,62%, so với cùng kỳ năm 2019 tăng 2,64%². Tổng sản lượng lương thực ước thực hiện 192.900 tấn/KH 192.000 tấn, đạt 100,47%, so với cùng kỳ năm 2019 tăng 5,18%. Giá trị ước thực hiện 5.073 tỷ đồng/KH 4.910 tỷ đồng, đạt 103,32%, so với cùng kỳ năm 2019 tăng 3,28%.

Trên địa bàn huyện có nhiều loại cây trồng cho giá trị kinh tế cao như: Cà phê, Hồ tiêu, Sầu riêng, Bơ, Mít, Vải..., đặc biệt cây Sầu riêng được trồng xen trong các vườn cà phê đã và đang mang lại nguồn thu nhập lớn cho nông dân, vùng trồng sầu riêng nhiều nhất hiện nay là Ea Yông, Ea Kênh, Ea Knuéc, Hòa Đông. UBND huyện đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ huyện Krông Pắc hướng dẫn thực hiện cấp 20 mã vùng trồng cho 425 ha Sầu riêng trên địa bàn huyện, thực hiện thí điểm tại xã Ea Yông và xã Ea Kênh. Tiếp tục triển khai các văn bản, hướng dẫn quy trình về xây dựng mã vùng trồng cho một số cây trồng chủ lực và cây ăn quả trên địa bàn huyện theo Luật trồng trọt năm 2018.

- Chăn nuôi: Thực hiện nhanh tái cơ cấu chăn nuôi theo hướng tập trung đẩy mạnh phát triển chất lượng, chăn nuôi khép kín, không mùi; từng bước chuyển chăn nuôi phân tán sang chăn nuôi tập trung, trang trại, gia trại theo hướng công nghiệp. Thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu lĩnh vực Chăn nuôi năm 2020 theo đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kêu gọi đầu tư của các doanh nghiệp cho lĩnh vực chăn nuôi, hiện nay các doanh nghiệp đã tổ chức liên kết theo chuỗi sản phẩm từ sản xuất đến thị trường tiêu thụ dưới hình thức chăn nuôi gia công hợp tác doanh nghiệp và nông dân cùng làm³.

¹ Trong đó: Lúa: 14.778 ha/KH 14.700 ha, đạt 100,53%, sản lượng 102.900 tấn/KH 102.000 tấn đạt 100,88%; ngô: 12.300 ha/KH 12.300 ha, đạt 100%, sản lượng 90.000 tấn/KH 90.000 tấn, đạt 100%; các loại cây trồng khác 8.097 ha/KH 8.000 ha, đạt 101,21%.

² Trong đó: Diện tích cà phê 18.000 ha/KH 18.000 ha, đạt 100%; cao su 947 ha/KH 1.147, đạt 82,56%; hồ tiêu 1.392 ha/KH 1.436 ha, đạt 96,94%; điều 745 ha/KH 745 ha, đạt 100%; các loại cây khác, cây trồng xen 4.998 ha/KH 4.083 ha, đạt 122,41%.

³ Từ đầu năm đến nay đã hướng dẫn người dân cùng doanh nghiệp hoàn thiện thủ tục đầu tư xây dựng 10 trang trại chăn nuôi lợn quy mô vừa và lớn trên địa bàn huyện, được kiểm soát đầu vào và đầu ra cho sản phẩm, (bình quân 570con/trại/lúa). Ngoài ra Công ty TNHH MTV Thanh Trang đang triển khai xây dựng dự án trang trại chăn nuôi heo thịt ứng dụng công nghệ cao tại xã Vụ Bồn, với quy mô đầu tư 24.000 con heo thịt, trên diện tích đất 20ha; Nhằm phục vụ con giống thích ứng với điều kiện khí hậu, chăn nuôi tại địa phương, giảm chi phí vận chuyển con giống từ các địa phương khác nhập đến, các hộ dân đã đầu tư 03 trang trại chuyên chăn nuôi lợn nái với quy mô 200 nái/trại phục vụ nhu cầu con giống tại địa phương; 10 trại chăn nuôi gà liên kết tiêu thụ sản phẩm với quy mô 150.000 con/lúa.

Tổng đàn trâu ước 4.420 con/KH 4.420 con, đạt 100%; tổng đàn bò ước 37.000 con/KH 37.000 con, đạt 100%; tổng đàn lợn ước 200.000 con/KH 230.000 con, đạt 86,96%; tổng đàn gia cầm ước 3.000.000 con/KH 3.000.000 con, đạt 100%. Giá trị chăn nuôi ước thực hiện 2.202 tỷ đồng/KH 2.297 tỷ đồng, đạt 95,86%, so với cùng kỳ năm 2019 tăng 15,17%.

- *Thủy sản*: Đã ban hành các văn bản chỉ đạo các ngành, đơn vị liên quan quản lý, hướng dẫn nhân dân trên địa bàn huyện về thời vụ nuôi thủy sản năm 2020; công tác nuôi, đánh bắt thủy sản theo đúng quy định về quản lý hồ đập; xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản trên địa bàn huyện năm 2020. Diện tích nuôi thả cá đã thực hiện 1.900 ha/KH 1.900 ha, đạt 100%; sản lượng đánh bắt cá 2.600 tấn/KH 2.600 tấn, đạt 100%, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2019.

- *Lâm nghiệp*: Tổ chức tuyên truyền lưu động Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tiến hành kiểm tra và nghiệm thu trồng cây phân tán năm 2019 và tiến hành triển khai trồng 1.321 cây phân tán năm 2020 từ nguồn vốn Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; đăng ký trồng cây phân tán từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2020. Độ che phủ rừng ước thực hiện 4,7%/KH 4,7%, đạt 100%. Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp ước thực hiện 52 tỷ đồng/KH 52 tỷ đồng, đạt 100%, so với cùng kỳ năm 2019 tăng 62,5%.

- *Công tác thủy lợi*: Triển khai nạo vét kênh mương; kiểm tra công trình trong mùa mưa lũ, thông báo cho cơ sở tăng cường công tác kiểm tra công trình hồ chứa, đập dâng. Kiểm tra các hệ thống đóng mở, vận hành công trình đảm bảo vận hành tốt trong mùa mưa lũ; bảo đảm 80%/KH 80% diện tích gieo trồng có nhu cầu tưới, đạt 100% kế hoạch.

2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

- Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp:

Tổng số cơ sở sản xuất 1.210 cơ sở/KH 1.217 cơ sở, đạt 99,42%. Kiểm tra, rà soát tình hình hoạt động của các Hợp tác xã sản xuất gạch và các Hợp tác xã điện trên địa bàn huyện. Tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất gạch thực hiện lộ trình chuyển đổi mô hình sản xuất gạch không nung. Tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành ước thực hiện 1.623 tỷ đồng/KH 1.641 tỷ đồng, đạt 98,9%.

Điện sinh hoạt, hiện có 100%/KH 100% thôn, buôn có điện, đạt 100%. Tổng số hộ gia đình có điện sinh hoạt 99,8%/KH 99,8%, đạt 100%.

- Xây dựng:

Hệ thống đường giao thông liên thôn, buôn, đường đô thị thực hiện nhựa hóa, bê tông xi măng được 67%/KH 67%, đạt 100%; đường liên xã, thị trấn bê tông, nhựa hóa thực hiện 92%/KH 92%, đạt 100%; tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đến trung tâm các xã đạt 100%.

Thẩm định 97 hồ sơ công trình xây dựng dân dụng, 131 hồ sơ công trình giao thông với tổng giá thẩm định 230 tỷ đồng. Đã tiến hành cấp 114 giấy phép xây dựng, trong đó 94 hồ sơ cấp giấy phép xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ; 20 giấy phép xây dựng công trình khác đảm bảo đúng quy định. Nhìn chung công tác

quản lý chất lượng công trình cơ bản đạt yêu cầu, quá trình thi công không để xảy ra sự cố, đảm bảo an toàn trong công tác thi công; thường xuyên kiểm tra giám sát chất lượng các công trình xây dựng cơ bản thực hiện tốt. Cơ quan chuyên môn về xây dựng hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình; thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng quy định. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành ngành xây dựng ước 627 tỷ đồng/KH 633 tỷ đồng, đạt 99,05%.

Công tác quy hoạch và quản lý theo quy hoạch được chú trọng thực hiện, việc lập danh mục quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương⁴.

3. Dịch vụ

Hoạt động kinh doanh hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhân dân; hướng dẫn cho người dân về thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, giấy phép kinh doanh rượu, thuốc lá... đảm bảo đúng quy định. Thường xuyên kiểm tra hàng giả, hàng kém chất lượng, niêm yết giá theo quy định; tuyên truyền đến các cơ sở kinh doanh các quy định của pháp luật về thương mại. Dịch vụ vận tải⁵, bưu chính, viễn thông, ngân hàng... duy trì phát triển, chất lượng dịch vụ được nâng cao, cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân. Tổng số cơ sở dịch vụ 5.565/KH 5.571 cơ sở, đạt 99,89%; giá trị sản xuất theo giá hiện hành ngành dịch vụ 3.661 tỷ đồng/KH 3.684 tỷ đồng, đạt 99,38%, trong đó giá trị sản xuất thương mại 1.902 tỷ đồng.

4. Thu, chi ngân sách

Thực hiện phân cấp các khoản thu cho ngân sách xã, thị trấn được hưởng 100% và các nguồn phân chia theo Quyết định 3979/QĐ-UBND của UBND tỉnh cho UBND các xã, thị trấn. Triển khai các biện pháp về quản lý hộ kinh doanh; kiểm tra việc mua, bán hàng hóa, thực hiện xuất hóa đơn đầy đủ theo quy định; triển khai các biện pháp, giải pháp thu ngân sách, xử lý nợ thuế, chống thất thu thuế.

- Thu ngân sách ước 177.800 triệu đồng; so với dự toán tỉnh giao 177.800/KH 157.700 triệu đồng, đạt 112,75%; so với HĐND huyện giao 177.800/KH 177.700 triệu đồng, đạt 100,06%⁶; tăng 3,08% so với cùng kỳ năm 2019.

⁴ Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phước An; hoàn thiện hồ sơ cắm mốc quy hoạch 4 xã nông thôn mới: Ea Yông, Hòa Tiến, Ea Phê, Tân Tiến; phê duyệt quy hoạch 47,68ha bố trí định canh định cư xã Ea Yêng; phê duyệt Quyết định ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đông Bắc, thị trấn Phước An; quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chợ Ea Kênh; điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Hòa An; điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 điểm dân cư nông thôn xã Ea Kênh.

⁵ Tình hình vận tải hàng hóa và hành khách trong năm đảm bảo lưu thông thuận lợi. Các doanh nghiệp tổ chức phục vụ đủ cho nhu cầu hàng hóa và hành khách của nhân dân, các tuyến lưu thông trong và ngoài tỉnh đảm bảo an toàn thông suốt.

⁶ Trong đó: Thu thuế, phí, lệ phí 97.700 triệu đồng; so với tỉnh giao 97.700/KH 106.000 triệu đồng, đạt 92,17%; so với HĐND huyện giao 97.700/KH 106.000 triệu đồng, đạt 92,17% kế hoạch, tăng 6,59 so với cùng kỳ năm 2019; thu biên pháp tài chính 80.100 triệu đồng; so với tỉnh giao 80.100/KH 51.700 triệu đồng, đạt 154,93%; so với HĐND huyện giao 80.100/KH 71.700 triệu đồng, đạt 111,72% kế hoạch, giảm 0,91% so với cùng kỳ năm 2019.

- Chi ngân sách ước 1.196.438 triệu đồng; so với dự toán tỉnh giao 1.196.438/KH 978.623 triệu đồng, đạt 122,26%; so với HĐND huyện giao 1.196.438/KH 1.043.468 triệu đồng, đạt 114,66%⁷; tăng 16,97% so với cùng kỳ năm 2019.

Kho bạc nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện việc kiểm soát chi đúng quy định; giải ngân kịp thời cho các tổ chức, cá nhân thụ hưởng ngân sách.

5. Tài nguyên và Môi trường

Tiếp nhận và xử lý 337 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, với diện tích 53.200,4 m² của hộ gia đình, cá nhân; cấp 389 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện; tiếp nhận 8.253 hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận, chuyển nhượng, cấp đổi, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đã giải quyết 7.663 hồ sơ đất đai⁸. Tiếp nhận và giải quyết 4.774 hồ sơ đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; 4.421 hồ sơ đăng ký xóa thế chấp; 195 hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký thế chấp.

Lập văn bản đề nghị UBND tỉnh đề nghị thu hồi 4.820m² đất tại xã Krông Búk của Công ty Quản lý và Xây dựng đường bộ 26 và 581.019m² đất tại thị trấn Phước An của Công ty TNHH HTV lâm nghiệp Phước An bàn giao về cho huyện quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; đề nghị tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng 19.800,7m² đất tại khu đô thị Đông – Bắc, thị trấn Phước An từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở để tổ chức đấu giá và 8.262,0 m² đất tại xã Hòa Đông, từ đất trồng cây lâu năm sang đất thương mại dịch vụ để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thuê. Tổ chức cho cá nhân thuê 1.422 m² đất tại xã Ea Yông để sử dụng vào mục đích đất thương mại dịch vụ; đăng ký danh mục công trình, dự án có thu hồi đất và danh mục công trình chuyển mục đích sử dụng đất lúa dưới 10 ha, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng dưới 20 ha vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Krông Pắc. Ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất tại khu đô thị Đông – Bắc thị trấn Phước An; tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất 75 lô đất tại khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Phước An.

Kiểm tra và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện; tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí, tổ chức các hoạt động đảm bảo vệ sinh môi

⁷ Trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản 88.915 triệu đồng; so với tỉnh giao 88.915/KH 36.000 triệu đồng, đạt 246,99%; so với HĐND huyện giao 88.915/KH 86.845 triệu đồng, đạt 102,38% kế hoạch, tăng 177,86 so với cùng kỳ năm 2019; chi thường xuyên 797.530 triệu đồng; so với tỉnh giao 797.530/KH 797.122 triệu đồng, đạt 99,42%; so với HĐND huyện giao 792.530/KH 797.122 triệu đồng, đạt 99,42% kế hoạch, giảm 1,40% so với cùng kỳ năm 2019; chi dự phòng ngân sách 17.603 triệu đồng; so với dự toán tỉnh giao 17.603/KH 17.603 triệu đồng, đạt 100%; so với HĐND huyện giao 17.603/KH 17.603 triệu đồng, đạt 100%; tăng 11,99% so với cùng kỳ năm 2019; chi thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ 191.414 triệu đồng; so với tỉnh giao 191.414/KH 127.898 triệu đồng, đạt 149,66%; so với HĐND huyện giao 191.414/KH 127.898 triệu đồng, đạt 149,66% KH, tăng 11,75% so với cùng kỳ năm 2019; Chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ 70% tăng thu năm 2019 9.800 triệu đồng/KH 9.800 triệu đồng, đạt 100%; chi từ nguồn tăng thu thuế phí, lệ phí năm 2019 chuyển sang (30%) 4.200 triệu đồng/KH 4.200 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch; chi từ nguồn các năm trước chuyển sang 91.976 triệu đồng.

⁸ Trong đó: Cấp mới: 82 hồ sơ; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho,...: 3.219 hồ sơ; đăng ký biến động đất đai: 2.301 hồ sơ; cung cấp trích lục: 2.016 hồ sơ; cung cấp thông tin: 45 hồ sơ.

trường nhằm phòng chống bệnh viêm nhiễm đường hô hấp do chủng mới của virus Corona gây nên; cấp 09 giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; công tác vệ sinh, thu gom rác thải sinh hoạt nơi công cộng trên các tuyến đường thuộc địa bàn thị trấn Phước An và tại trung tâm các xã thường xuyên, đảm bảo. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải tại khu vực trung tâm thị trấn Phước An 94%/KH 100%; tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải tại trung tâm các xã 79%/KH 100%.

6. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

a) Giảm nghèo bền vững: Các chương trình chính sách nhà nước đầu tư trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định, theo kế hoạch và nguồn vốn được cấp.

Chương trình 135: Triển khai thực hiện các danh mục công trình năm 2020 theo Chương trình 135 tại các xã: Ea Hiu, Ea Yiêng, Ea Uy, Tân Tiến, Vụ Bồn, Krông Búk và xã Ea Phê với tổng số tiền 7.685 triệu đồng (trong đó: vốn xây dựng cơ sở hạ tầng 5.925 triệu đồng; vốn hỗ trợ phát triển sản xuất 1.408 triệu đồng; vốn duy tu bảo dưỡng 352 triệu đồng).

Thực hiện tốt chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tổ chức gặp mặt người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tặng 102 xuất quà và khen thưởng cho 26 người có uy tín có thành tích tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số; thăm hỏi ốm đau người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 12/QĐ-TTg.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: Thành lập Đoàn kiểm tra các mô hình giảm nghèo và các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo (Tiểu dự án 2) tại các xã: Ea Hiu, Ea Uy, Ea Yiêng, Vụ Bồn, Krông Búk, Ea Phê, Tân Tiến, Hòa Tiến. Triển khai hỗ trợ các chương trình về giảm nghèo theo chương trình mục tiêu quốc gia cho các xã, thị trấn. Tổ chức hỗ trợ quà tết cho người nghèo, người khuyết tật, người nhiễm chất độc da cam được 1.680 xuất với số tiền 317 triệu đồng; hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 với 4.876 hộ (22.733 khẩu) với tổng kinh phí 17.050 triệu đồng; hỗ trợ xây dựng 83 nhà vệ sinh cho hộ nghèo tại 4 xã: Hòa An, Ea Knuêc, Ea Yông, Krông Búk và phân hiệu (01 lớp học) trường Mẫu giáo Sao Mai, xã Vụ Bồn với tổng số tiền 330 triệu đồng.

Hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 thụ hưởng cho năm 2020 trên địa bàn huyện có: 2.888 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 5,54%, giảm 3%/KH 2,26%, đạt 101,77%; tỷ lệ hộ cận nghèo chiếm 3,82%.

c) Xây dựng nông thôn mới: Với sự vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành, địa phương và sự hưởng ứng tích cực của nhân dân, doanh nghiệp... phong trào nông thôn mới đạt nhiều kết quả. 15 xã có tổng số 259 tiêu chí đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn, trong đó: 252 tiêu chí đạt chuẩn, 07 tiêu chí tiêu chí cơ bản đạt; bình quân 17,27 tiêu chí/xã đạt chuẩn và cơ bản đạt⁹.

⁹ Kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới toàn huyện như sau: có 12 xã đạt 19 tiêu chí (gồm các xã: Ea Kly, Hòa Đông, Ea Kênh, Hòa An, Ea Kuăng, Ea Phê, Ea Yông, Hòa Tiến, Tân tiến; Ea Knuêc; 02 xã Krông Buk và Ea Uy đạt chuẩn 19 tiêu chí năm 2020); xã Vụ Bồn đạt 12 tiêu chí; Ea Yiêng, Ea Hiu đạt 10 tiêu chí.

7. Phát triển kinh tế tập thể

Hiện nay, toàn huyện có 61 tổ chức kinh tế tập thể (Trong năm 2020 thành lập mới 05 HTX¹⁰), trong đó: 44 HTX và Quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động, 17 HTX ngừng hoạt động; phân loại theo lĩnh vực hoạt động có: 24 HTX dịch vụ nông nghiệp, 17 HTX công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, 01 HTX giao thông vận tải, 11 HTX xây dựng, 04 HTX thương mại - dịch vụ, 03 Quỹ tín dụng nhân dân. Trong tổng số 44 HTX và Quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động có: 31 HTX và 03 Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động có hiệu quả, 10 HTX hoạt động trung bình¹¹. Trong tổng số 17 HTX ngừng hoạt động, có 06 HTX đã nộp hồ sơ xin giải thể nhưng còn vướng nợ thuế, thất lạc con dấu hoặc giấy cấp mẫu dấu; 01 HTX đang làm hồ sơ xin giải thể tự nguyện; 10 HTX còn lại chưa lập thủ tục xin giải thể do nhiều nguyên nhân: Chủ nhiệm bỏ đi khỏi địa phương hoặc đã chết, nợ thuế, nợ vay vốn ngân hàng, nợ xã viên...

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Công tác Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm của năm học 2019 – 2020. Các trường đã làm tốt việc tổ chức khai giảng năm học mới 2020 – 2021. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, tổ chức kiểm tra chất lượng ở các đơn vị trường học; chú trọng, quan tâm bồi dưỡng, phụ đạo học sinh yếu, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh bỏ học để các em có điều kiện học hành.

Thực hiện Đề án sáp nhập, trong năm 2020 đã sáp nhập 04 trường học trên địa bàn¹². Hiện nay, trên địa bàn huyện có 97 trường thuộc huyện quản lý gồm 3 bậc học: Mầm non 28 trường (05 trường tư thục), Tiểu học 45 trường; THCS 22; 01 phổ thông dân tộc nội trú; 01 trường Tiểu học và THCS, với 1.545 lớp, 41.364 học sinh (Trong đó: Hệ công lập: 1.468 lớp với 39.283 học sinh; Hệ tư thục: 77 lớp với 2.081 học sinh); kết thúc năm 2020 toàn ngành có 56/92 trường đạt chuẩn Quốc gia (không tính 05 trường Mầm non tư thục) chiếm 60,87%/KH 60,87%, đạt 100% so với kế hoạch đề ra. Duy trì nề nếp dạy và học; thực hiện tốt các biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục tại các trường học. Làm tốt công tác tổ chức quản lý giáo dục Mầm non, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng; đến nay, tỷ lệ trẻ được ăn bán trú trong các trường Mầm non, Mẫu giáo chiếm 85,5%/KH 85,5%, đạt 100%. Tỷ lệ lên lớp bậc Tiểu học đạt 98%/KH 98%, đạt 100%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 99,92%/KH 99,5%,

¹⁰ HTX Dịch vụ nông nghiệp Ea Uy; HTX Nông nghiệp hữu cơ Krông Pắc; HTX Thương mại – dịch vụ, vệ sinh môi trường xã Krông Búk; HTX Bò câu thảo dược Xuân Tiến; HTX Cây ăn trái huyện Krông Pắc.

¹¹ Một số HTX và Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động có hiệu quả tiêu biểu như: HTX dịch vụ nông nghiệp Công bằng Ea Kmat ở xã Hoà Đông, HTX Nông nghiệp Việt Farm, HTX Bò câu thảo dược Xuân Tiến, HTX dịch vụ điện nông thôn Ea Phê ở xã Ea Phê, HTX Quyết Thắng, Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phước An, Quỹ tín dụng nhân dân Ea Yông, Quỹ tín dụng nhân dân Hoà Tiến...

¹² Sáp nhập trường THCS Ea Knuéc với trường TH Lê Văn Tám thành trường Tiểu học và THCS Lê Văn Tám; sáp nhập trường TH Tô Hiệu với trường TH Nguyễn Chí Thanh thành trường TH Tô Hiệu; sáp nhập trường TH Nguyễn Đức Cảnh với TH Hùng Vương thành TH Nguyễn Đức Cảnh; Sáp nhập trường MN Thị trấn Phước An với trường MG Mầm non thành trường MN Thị trấn Phước An.

đạt 100,42%. Tỷ lệ lên lớp bậc THCS đạt 99%/KH 99%, đạt 100%; tỷ lệ học sinh hoàn thành THCS là 99,74%/KH 99,5%, đạt 100,24%.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học thuộc huyện 3.482 người (trong đó: Biên chế: 3.316; hợp đồng 68: 138; hợp đồng: 34): 248 cán bộ quản lý, 2.717 giáo viên, 527 nhân viên. Duy trì tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 73,2%, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn 10% (đánh giá theo Luật giáo dục năm 2019).

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo ở các cấp học được chú trọng bằng nhiều giải pháp đồng bộ và hữu hiệu; công tác thanh tra, kiểm tra được đẩy mạnh; giải quyết kịp thời, có hiệu quả những khiếu nại, tố cáo của phụ huynh học sinh. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức nhà giáo luôn được chú trọng, đa số đội ngũ nhà giáo có tinh thần trách nhiệm trong công tác chuyên môn, những hiện tượng tiêu cực cơ bản đã được khắc phục.

2. Công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện Chuẩn Quốc gia về Y tế xã. Duy trì 16/16 xã, thị trấn (Đạt 100%) xã đạt Chuẩn quốc gia về Y tế xã năm 2020. Chỉ đạo công tác vệ sinh phòng bệnh trên địa bàn huyện đặc biệt chú trọng giám sát theo dõi dịch bệnh Covid -19; cúm A(H5N1) và cúm A(H7N9), sốt xuất huyết, sốt phát ban, ngộ độc thực phẩm, bệnh sởi, bệnh dại... đề xuất các biện pháp phòng chống dịch kịp thời. Theo dõi các trường hợp về tình hình dịch Covid-19: 88 trường hợp cách ly tập trung; 75 trường hợp cách ly tại nhà; Số công dân đến trạm Y tế các xã, thị trấn khai báo y tế là 2.505 trường hợp. Triển khai phun hóa chất diệt khuẩn phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại 3 Hội đồng thi, kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2020, tổng số phòng thi được phun là 115 phòng với diện tích khoảng 5.750m².

Quản lý các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn. Kiểm tra kịp thời chấn chỉnh các sai phạm, hướng dẫn các cơ sở thực hiện tốt Luật khám, chữa bệnh; Luật Dược và Luật Chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân; Luật an toàn thực phẩm theo quy định; kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

Thực hiện tốt công tác Dân số - kế hoạch hóa gia đình; tập trung tuyên truyền vận động, lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình đến vùng khó khăn, vùng đông dân có mức sinh cao. Trong năm tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đạt 86,09%/KH 80,32%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 8 loại vaccine đạt 95%/KH 90%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) 16,8%/KH 16,9%; giảm tỷ lệ suất sinh hàng năm 0,25‰/KH 0,20‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1‰/KH 1‰.

3. Văn hóa - Thể thao và Thông tin truyền thông

Thường xuyên kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, thông tin truyền thông, TDTT, du lịch và tiệc cưới, việc tang trên địa bàn huyện đảm bảo hoạt động đúng theo quy định; xét công nhận và cấp giấy công nhận cho 226 thôn, buôn, TDP văn hóa; 113 cơ quan,

đơn vị, doanh nghiệp, trường học văn hóa và 10 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới trên địa bàn huyện năm 2019; tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3, ngày gia đình Việt Nam 28/6.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá, thông tin tuyên truyền trên địa bàn huyện¹³. Hướng dẫn cơ sở tổ chức đăng ký xây dựng gia đình văn hóa; thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa, có 98/KH98% hộ gia đình, đạt 100% so với kế hoạch. Duy trì các hoạt động thể dục thể thao từ huyện đến cơ sở¹⁴, trong năm đã tổ chức 05/10 giải thể thao cấp huyện, đạt 50% KH, tỷ lệ người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt 35%.

Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền trên địa bàn huyện thường xuyên được quan tâm chú trọng. Tập trung tuyên truyền, kịp thời các chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước trên các hệ thống phát thanh, truyền hình, hệ thống pa nô, áp phích...¹⁵

4. Các chính sách an sinh xã hội

Đã thực hiện tốt các chế độ chính sách với người có công cách mạng, gia đình liệt sỹ. Điều chỉnh tăng, giảm, cấp chế độ kịp thời cho đối tượng chính sách người có công số tiền: 34.364 triệu đồng, tổng hợp 102 hồ sơ đối tượng chính sách người có công trình tỉnh phê duyệt, đã giải quyết là 102 hồ sơ. Thu “Quỹ đền ơn đáp nghĩa” năm 2020 được 698 triệu đồng/KH 450 triệu đồng, đạt 155,06% kế hoạch, tăng 0,58% so với cùng kỳ năm 2019; thực hiện chính sách hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở, đã triển khai làm 20 nhà, trong đó xây mới là 8 nhà, sửa chữa 12 nhà; hỗ trợ 2 mô hình chăn nuôi bò cho đối tượng chính sách từ nguồn “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”.

Tổ chức thăm tặng quà tiêu biểu cho các đối tượng chính sách người có công, viếng nghĩa trang liệt sỹ huyện nhân dịp tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 và kỷ niệm 73 năm ngày thương binh liệt sỹ 27/7: Quà chủ tịch nước: 3.716 xuất với số tiền 753 triệu đồng; Quà tỉnh 4.615 xuất với số tiền 1.685 triệu đồng; Quà huyện: 130 xuất với số tiền: 57 triệu đồng. Thực hiện rà soát và hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 đã hỗ trợ 1.236 đối tượng người có công hưởng trợ cấp hàng tháng với số tiền 1.850 triệu đồng.

¹³ Duy trì hoạt động tốt các Câu lạc bộ của Nhà Văn hóa; tổ chức tốt ngày hội “Học sinh 3 tốt” chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống HS- SV Việt Nam; chương trình nghệ thuật mừng Đảng- mừng Xuân, tết vì người nghèo Xuân Canh Tý năm 2020; Hoa xuân và Hội chợ xuân Canh Tý cho bà con nhân dân trên địa bàn huyện, đảm bảo an toàn, lành mạnh, tiết kiệm; tổ chức tốt đêm hội trăng rằm tại xã Ea Uy...

¹⁴ Tổ chức tốt các hoạt động TDTT nhân kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống HS- SV 09/01; giải Bóng bàn, Cầu lông nhân ngày Gia đình Việt Nam 28/6 và tham gia giải Bóng bàn Cầu lông nhân Ngày Gia đình Việt Nam tỉnh đạt kết quả cao; Đăng cai, tổ chức tốt giải Karate vô địch tỉnh Đắk Lắk năm 2020; Thành lập đoàn VĐV tham dự giải Taekwondo tại huyện Ea H’leo và thành lập đoàn tham dự Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII năm 2020, đạt kết quả cao.

¹⁵ Hiến máu nhân đạo, tuyển chọn, gọi công dân lên đường nhập ngũ, tuyên truyền khuyến cáo phòng, chống bệnh viêm đường hô hấp cấp; phòng, chống dịch bệnh Covid 19; Kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, mừng Đảng-mừng Xuân Canh Tý 2020, chào mừng kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, kỷ niệm 75 năm Cách mạng tháng Tám và quốc khánh 02/9; Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới ĐHĐB toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, và cây ATM gạo nghĩa tình...

Đã giải quyết việc làm mới cho 3.226/3.200 lao động KH, đạt 100,81%, tăng 0,81% so với cùng kỳ năm 2019, lao động ngoài tỉnh 1.817/2.100 lao động KH đạt 86,52%; số học viên được đào tạo nghề 400 người/KH 500 người, đạt 80%, giảm 20% so với cùng kỳ năm 2019. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 49%/50%KH, đạt 98%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề 40%/40%KH, đạt 100%.

Từ đầu năm đến nay, đã điều chỉnh tăng, giảm cấp chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội với số tiền: 31.851 triệu đồng; Cấp 62.445 kg gạo cứu đói tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 cho 1.136 hộ; hỗ trợ miễn, giảm học phí cho học sinh sinh viên theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ với số tiền: 66 triệu đồng; hỗ trợ 5.522 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 với số tiền 8.231,5 triệu đồng.

Nhân dịp tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 tặng quà cho trẻ em: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: 10 xe đạp với số tiền 14 triệu đồng (từ nguồn Quỹ bảo trợ trẻ em huyện). Trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng: 38 suất với số tiền 11 triệu đồng (từ nguồn đảm bảo xã hội). Quyên góp ủng hộ gạo Covid-19 và cứu trợ Miền trung.

III. CÔNG TÁC NỘI CHÍNH VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

1. Công tác Thanh tra; tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Thanh tra: Ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, ban, ngành và xã, thị trấn tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm để chấn chỉnh, xử lý đúng pháp luật. Triển khai 12 đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại¹⁶, trong đó đã ban hành kết luận thanh tra 09 đoàn và đang triển khai thực hiện 03 đoàn thanh tra¹⁷.

- Duy trì tốt các hoạt động tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo theo đúng quy định; tổ chức tuyên truyền phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đến các cán bộ chủ chốt và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Tổng số lượt người được tiếp trên địa bàn huyện 73 lượt/ 66 vụ¹⁸; tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo 237 đơn/237 vụ¹⁹.

¹⁶ 10 Đoàn Thanh tra theo kế hoạch, gồm: 01 đoàn Thanh tra việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế và vật tư tiêu hao, đầu thầu thuốc chữa bệnh tại Bảo hiểm xã hội huyện Krông Pắc và Trung tâm y tế huyện Krông Pắc (năm trước chuyển sang); 02 đoàn thanh tra trách nhiệm (UBND xã Ea Kuăng, UBND xã Ea Knuéc); 02 đoàn thanh tra đất đai (UBND xã Ea Uy, UBND xã Ea Kly); 06 đoàn thanh tra Kinh tế - xã hội (UBND xã Hòa Đông, UBND xã Ea Yông, UBND xã Vụ Bôn, UBND xã Ea Hiu, Trung tâm giáo dục dạy nghề - giáo dục thường xuyên huyện, trường THPT THCS Nội trú huyện); 01 đoàn thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường

¹⁷ 01 đoàn thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường, 02 đoàn Kinh tế - xã hội (UBND xã Vụ Bôn, UBND xã Ea Hiu)

¹⁸ Tiếp công dân thường xuyên 03 lượt/03 vụ; tiếp công dân định kỳ 70 lượt/63 vụ, Trong đó: Tố cáo 03 lượt/03 vụ; Khiếu nại 16 lượt/16 vụ; Kiến nghị, phản ánh 54 lượt/47 vụ.

¹⁹ Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã, thị trấn là 66 đơn/66 vụ (trong đó: Khiếu nại 25 đơn/25 vụ; Kiến nghị, phản ánh 38 đơn/38 vụ; Tố cáo 03 đơn/03 vụ); Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện (các phòng, ban) là 95 đơn/95 vụ (trong đó: Khiếu nại 33 đơn/33 vụ; Tố cáo 08 đơn/08 vụ; Kiến nghị, phản ánh 54 đơn/54 vụ); Thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan khác 51 đơn/51 vụ; Không thuộc thẩm quyền hoặc không đủ điều kiện xem xét giải quyết (đơn nặc danh, không rõ địa chỉ, không ký tên...): 15 đơn/15 vụ.

- Thực hiện biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí: Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; chủ động phối hợp với các cấp, các ngành tích cực kiểm tra việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa đối với các phòng ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện; thông qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, đơn vị và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện chưa phát hiện trường hợp nào có hành vi tham nhũng.

2. Công tác Tư pháp

Trong năm, công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL đã được chú trọng, đã từng bước nâng cao chất lượng của công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất trong hệ thống pháp luật góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của huyện.

Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân trong huyện về nội dung cơ bản của một số văn bản pháp luật mới ban hành²⁰ liên quan đến đời sống, sinh hoạt, công tác hàng ngày cho cán bộ, đoàn thể và nhân dân 4 xã, thị trấn trên địa bàn huyện, thời gian 4 ngày với số lượng gần 580 người tham dự.

Công tác hoà giải ở cơ sở tiếp tục đóng góp vai trò ngày càng quan trọng vào việc xây dựng sự đoàn kết trong cộng đồng dân cư, giảm thiểu khiếu nại, tố cáo, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội. Trong năm 2020 công tác hòa giải trên địa bàn các xã, thị trấn tiếp nhận 213 vụ, đã hòa giải thành 180 vụ, đạt tỷ lệ 84%.

Xác minh, kiểm tra việc đăng ký cải chính hộ tịch cho 262 trường hợp; xác định lại dân tộc 03 trường hợp; thay đổi hộ tịch 01 trường hợp; đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài 07 trường hợp; đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài 05 trường hợp. Thực hiện công tác chứng thực theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực 562 bản sao.

3. Công tác xây dựng chính quyền

- Công tác tổ chức bộ máy: Bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được kiện toàn, hiệu lực và hiệu quả hoạt động được nâng cao; tổ chức bộ máy trong các cơ quan hành chính từ huyện đến cơ sở từng bước được sắp xếp lại theo hướng hợp lý, tinh gọn hơn và hoạt động theo quy chế, quy định rõ ràng. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sắp xếp cán bộ và hàng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch theo quy định. Do đó, công tác quy hoạch cán bộ từng bước được thực hiện nề nếp hơn, bảo đảm và góp phần thực hiện đồng bộ các khâu của công tác cán bộ.

- Công tác xây dựng chính quyền: Công tác xây dựng chính quyền kịp thời, hiệu quả, chất lượng hoạt động của chính quyền các cấp được nâng cao. Quy chế dân chủ tiếp tục được duy trì ở các loại hình cơ sở, đã phát huy được quyền làm chủ của nhân dân, hạn chế những biểu hiện tiêu cực.

²⁰ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, luật Công an nhân dân, Luật Chăn nuôi, Luật Trồng trọt, Giới thiệu luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, luật phòng chống bạo lực gia đình, luật bình đẳng giới, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Giao thông đường bộ, luật Hòa giải ở cơ sở,...

Ban hành Quyết định miễn nhiệm, phê chuẩn chức danh Chủ tịch UBND xã Ea Knuéc, Chủ tịch UBND xã Tân Tiến, nhiệm kỳ 2016 – 2020; bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên; Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Ban hành Quyết định nghỉ hưu đúng tuổi 14 công chức, viên chức; nâng lương thường xuyên đợt 2/2019 đối với công chức cấp huyện, cấp xã, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp huyện 104 trường hợp; tinh giản biên chế 44 trường hợp tại các cơ sở giáo dục công lập; Ban hành Quyết định nghỉ hưu đúng tuổi 14 trường hợp công chức, viên chức.

Thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục công lập thuộc huyện²¹; xử lý kỷ luật viên chức đối giáo viên trường TH Chu Văn An, hình thức buộc thôi việc do sử dụng văn bằng không hợp pháp để tuyển dụng vào cơ quan Nhà nước; phó hiệu trưởng trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện hình thức cách chức, do sử dụng văn bằng không hợp lệ để bổ nhiệm; xử lý kỷ luật 02 viên chức lãnh đạo, quản lý trường MG Ngọc Lan.

- Công tác Tôn giáo: Tổ chức thăm hỏi và chúc tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 các cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện; đi thăm Lễ phục sinh năm 2020 đối với đạo Công giáo và đạo Tin lành trên địa bàn huyện; đi thăm, tặng quà nhân dịp lễ Vu Lan năm 2020 đối với 19 cơ sở tôn giáo của Đạo Phật với số tiền 19 triệu đồng. Đã giải quyết xong các vấn đề liên quan đến tôn giáo về xây dựng đối với buôn Ea Oh, xã Krông Búk; xây dựng tượng Phật tại vườn nhà dân tại thôn 15, xã Hòa Đông. Rà soát địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của đạo Công giáo và Tin lành trên địa bàn huyện. Các cơ sở tôn giáo đều chấp hành tốt việc phòng, chống dịch Covid-19. Giải quyết một số nhu cầu của các tôn giáo trên địa bàn huyện.

- Công tác thi đua, khen thưởng: Ban hành quyết định khen thưởng cho 09 tập thể và 36 cá nhân đã có thành tích trong công tác Đảm bảo an toàn giao thông năm 2019; khen thưởng các tập thể cá nhân ngành giáo dục năm học 2019-2020²²; đề nghị UBND tỉnh tặng danh hiệu, bằng khen cho 11 tập thể và 03 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2019 – 2020; khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác hội của Hội Từ yêu nước huyện giai đoạn 2015-2020.

- Công tác cải cách hành chính: Từ huyện đến xã, thị trấn đã tập trung chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, trong đó UBND huyện chỉ đạo tập trung triển khai thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính gắn với thực hiện cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính. Đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính theo đề án đã phê duyệt; đã phối hợp tập huấn hướng dẫn ứng dụng phần mềm quản lý, điều hành văn bản iDesk trong xử lý thực hiện văn bản hành chính, tăng cường áp

²¹ Thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự, bổ nhiệm mới chức danh hiệu trưởng các trường: TH Quang Trung, TH Lê Lợi, THCS Tháng 10, THCS Nguyễn Viết Xuân, THCS Ea Uy, THCS Ngô Mỹ, THCS Vụ Bôn; bổ nhiệm lại 53 cán bộ quản lý trường học; kéo dài thời gian bổ nhiệm 02 cán bộ quản lý trường học, bổ nhiệm lại và điều động 01 cán bộ quản lý trường học.

²² Tập thể Lao động Tiên tiến 64 tập thể; Lao động Tiên tiến 1.669 cá nhân; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 230 cá nhân; Tặng Giấy khen 07 tập thể; Tặng Giấy khen: 30 cá nhân.

dung các quy định về việc sử dụng chữ ký điện tử trong việc quản lý điều hành của nhà nước từ huyện đến cơ sở. Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 – 2030 trên địa bàn huyện; thành lập Đoàn kiểm tra kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2020 trên địa bàn các xã: Hòa Đông; Ea Hiu; Tân Tiến; Ea Uy; Ea Yiêng; Vụ Bồn.

4. Công tác Quốc phòng, An ninh

4.1. Quốc phòng, quân sự

Duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, lực lượng chiến đấu từ cơ quan đến cơ sở; triển khai thực hiện các chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên về công tác phòng thủ, SSCĐ; trực SSCĐ, trực phòng không. Chỉ đạo quân báo – trình sát bám nắm địa bàn thôn, buôn trọng điểm. Điều chỉnh hệ thống kế hoạch SSCĐ thường xuyên; xây dựng kế hoạch bảo vệ an ninh chính trị trong tác chiến bảo vệ biển đảo; kế hoạch bảo vệ mục tiêu quan trọng, đặc biệt quan trọng.

Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2020, giao quân đạt 100% chỉ tiêu; tổ chức đăng ký tuyển sinh và khám sức khỏe tuyển sinh quân sự thi vào các trường Quân đội năm 2020. Đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương biên chế vào các đơn vị Dự bị động viên đúng quy định; cử quân nhân dự bị đi đào tạo sĩ quan dự bị đúng đối tượng.

Tổ chức diễn tập động viên năm 2020 có thực binh, huy động QNDB bàn giao e210/f305, kết quả đạt tốt. Triển khai xây dựng kế hoạch mở rộng DQTV trong tác chiến bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; xây dựng lực lượng DQTV "vững mạnh, rộng khắp", có số lượng hợp lý, bảo đảm 100% chỉ tiêu, làm tốt công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ DQTV theo đúng quy định. Xây dựng lực lượng dự bị động viên "hùng hậu"; chỉ trả phụ cấp trách nhiệm cho QNDB giữ chức vụ chỉ huy trong các đơn vị DBĐV đúng quy định.

Duy trì đầy đủ vật chất, trang bị hậu cần SSCĐ theo quy định; thường xuyên kiểm tra công tác quản lý, bảo quản, tổ chức phiên đổi hạt, bảo đảm số lượng, chất lượng, đồng bộ các loại vật chất, trang bị.

4.2. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị cơ bản ổn định, công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn của lực lượng huyện và cơ sở luôn được tăng cường. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại về tình hình tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai tại Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi, Công ty TNHH MTV 719, Công ty cổ phần cà phê Phước An, Công ty cổ phần Cư Pul và trong việc triển khai các dự án kinh tế xã hội tại một số địa bàn còn tiềm ẩn phức tạp do chưa được giải quyết dứt điểm. Phát hiện 02 vụ xây dựng công trình có tính chất tôn giáo trái phép tại xã Ea Phê và Krông Buk; 08 vụ xây dựng nhà, công trình phụ trợ tôn giáo khi chưa hoàn thiện các thủ tục theo quy định; phát hiện 03 vụ, 03 đối tượng có hành vi tuyên truyền "Pháp luân công" tại xã Ea Phê, Krông Búk và thị trấn Phước An.

Tình hình hoạt động của các loại tội phạm: Xảy ra 46 vụ xâm phạm trật tự xã hội (giảm 9 vụ so với cùng kỳ năm 2019), làm chết 01 người, bị thương 10 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 368.925.000đ; Phát hiện, bắt giữ 13 vụ, 24 đối tượng

tội phạm về ma túy (nhiều hơn 04 vụ so với cùng kỳ năm 2019), thu giữ 1,6277g ma túy đá, 2,9057g thuốc phiện, 3kg cần sa; 31 vụ, 32 đối tượng vi phạm các quy định về quản lý kinh tế (ít hơn 02 vụ so với cùng kỳ năm 2019), thu giữ 12,5kg pháo nổ, 2.247 bao thuốc lá điếu nhập, 18m³ gỗ các loại; phát hiện 46 vụ, 49 cá nhân vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường (nhiều hơn 25 vụ so với cùng kỳ năm 2019), thu giữ và tiêu huỷ 624 kg thịt bẩn, 50kg sấu riêng nhúng hoá chất.

Triển khai lực lượng tuần tra, kiểm soát, phát hiện và lập biên bản 4.535 trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính 4.146 trường hợp, nộp kho bạc nhà nước thu phạt 3.769 triệu đồng. Xảy ra 26 vụ tai nạn giao thông (tăng 13 vụ so với cùng kỳ năm 2019), làm chết 27 người, bị thương 08 người; 02 vụ va chạm gia thông (giảm 05 vụ so với cùng kỳ năm 2019), làm bị thương 02 người. Xảy ra 04 vụ chết đuối, làm chết 05 người; 05 vụ tự tử, làm chết 05 người.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2020 với sự đoàn kết, thống nhất cao của tập thể, UBND huyện đã chỉ đạo, triển khai kịp thời các Nghị quyết của Đảng bộ huyện, Nghị quyết của HĐND huyện; tập trung đẩy mạnh các biện pháp, tổ chức thực hiện kế hoạch đề ra, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; cùng với sự phấn đấu, nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân, từ đó đã thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra.

Ưu điểm:

- *Về kinh tế:* Thu ngân sách đạt kế hoạch đề ra; sản xuất nông nghiệp luôn được quan tâm đẩy mạnh, phát triển, các tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng kịp thời, tích cực hướng dẫn nhân dân sử dụng các loại giống mới nên đạt được kết quả khả quan; một số loại nông sản, trái cây như sầu riêng, bơ,... có giá trị kinh tế cao được quan tâm đầu tư phát triển. Công trình thủy lợi trên địa bàn huyện đảm bảo tốt nguồn nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt; công tác phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi và thủy sản thường xuyên được quan tâm thực hiện; một số công trình cơ sở hạ tầng đã được đầu tư nâng cấp phục vụ kịp thời cho sản xuất và đời sống nhân dân; kinh doanh, thương mại tuy thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhưng có nhiều chuyển biến tích cực, các cơ sở dịch vụ phát triển, hoạt động cung cầu hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã mang lại hiệu quả thiết thực, đời sống nhân dân được cải thiện hơn, bộ mặt nông thôn ngày càng được đổi mới.

- *Về văn hoá xã hội:* Công tác giáo dục và đào tạo được quan tâm, đã chú trọng nâng cao chất lượng dạy và học; kiểm định chất lượng tại các đơn vị trường học đạt kết quả cao so với toàn tỉnh. Quan tâm chăm sóc tốt sức khỏe cho nhân dân, công tác quản lý y tế, dược phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm thường xuyên được quan tâm, kịp thời chấn chỉnh những sai sót trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Các hoạt động Văn hóa – Thể thao, thông tin tuyên truyền luôn được đẩy mạnh, nội dung phong phú, sinh động thu hút được sự quan tâm hưởng ứng của nhân dân, góp phần truyền tải các chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước đến nhân dân. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính

sách đối với người có công và đối tượng hộ nghèo, giải quyết việc làm, dạy nghề, cho người lao động; tích cực phòng, chống tệ nạn xã hội có hiệu quả; thực hiện tốt công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới.

- *Về quốc phòng, an ninh:* Được các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị quan tâm triển khai thường xuyên, đồng bộ, hiệu quả. Bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu thường xuyên; giữ vững tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tồn tại, hạn chế:

- *Về kinh tế:* Một số nhiệm vụ chưa hoàn thành như: Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, việc giao thương hàng hóa của doanh nghiệp và người dân cũng bị ảnh hưởng trong thời gian giãn cách xã hội; thu ngân sách tuy đạt kế hoạch đề ra, nhưng thu thuế phí, lệ phí chưa đạt; dịch tả lợn Châu Phi cơ bản được khống chế từ đầu năm 2020 cũng là thời điểm khó khăn cho người chăn nuôi trong công tác tái đàn, giá lợn hơi tăng cao, theo đó giá con giống cũng rất cao và vốn tái đàn lại bị hạn chế, do vậy đối với những hộ chăn nuôi việc tái đàn là rất khó; chưa bố trí được vị trí đất để xây dựng lò giết mổ gia súc tập trung, gây ảnh hưởng cho công tác kiểm tra vệ sinh thú y, kiểm soát giết mổ, vệ sinh an toàn thực phẩm tại thị trấn Phước An và xã Ea Yông, Hòa An; mặc dù hàng năm nhà nước chi một phần ngân sách để phục vụ công tác phòng, chống dịch, tuy nhiên với phương thức chăn nuôi hộ gia đình là chủ yếu nên công tác phòng, chống dịch bệnh cũng gặp nhiều khó khăn như dịch tả lợn Châu Phi.

Công tác quản lý nhà nước tại địa phương và một số ngành chuyên môn về đất đai, tài nguyên môi trường,... vẫn còn lỏng lẻo, để xảy ra tình trạng vi phạm mà chưa được xử lý triệt để. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở một số nơi còn xảy ra.

Tiến độ triển khai thực hiện dự án khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Phước An và một số dự án còn chậm.

- *Về văn hóa - xã hội:* Tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy cục bộ ở bậc học Mầm non và Tiểu học nên gặp khó khăn trong việc bố trí giáo viên dạy 02 buổi/ngày ở bậc tiểu học; không thể huy động 100% trẻ em tới trường nhất là trẻ nhà trẻ và học sinh 3 tuổi, giáo viên buộc phải giảng dạy quá định mức quy định ở bậc Mầm non.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động chưa đạt theo Kế hoạch đề ra; bảo đảm an toàn thực phẩm đã triển khai đồng bộ tại tuyến huyện và tuyến xã, thị trấn, tuy nhiên khi triển khai vẫn gặp nhiều khó khăn nhất định về nguồn lực, kinh phí hoạt động nên triển khai hiệu quả chưa cao.

- *Về quốc phòng, an ninh:* Các thế lực thù địch, bọn phản động Fulro lưu vong vẫn thường xuyên liên lạc, chỉ đạo lực lượng bên trong, số đối tượng chống đối chính trị triệt để lợi dụng vấn đề “Dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền”, những vấn đề nhạy cảm liên quan đến lợi ích kinh tế để đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ; an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội ở một số nơi còn tồn tại những yếu tố gây mất ổn định, tình hình khiếu kiện đông

người giữa người dân với doanh nghiệp vẫn còn xảy ra; tai nạn giao thông tăng cao so với năm 2019.

Nguyên nhân:

- *Về kinh tế:* Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên việc giao thương hàng hóa của doanh nghiệp và người dân cũng bị ảnh hưởng trong thời gian giãn cách xã hội; công tác phối hợp giữa Chi cục Thuế với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn chưa chặt chẽ, còn bỏ lọt nguồn thu; một số ngành kinh doanh phải tạm ngừng do dịch bệnh Covid-19.

Việc triển khai thực hiện dự án khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Phước An và một số công trình còn chậm tiến độ do nhiều nguyên nhân: Vướng mắc đền bù, hỗ trợ, thu hồi đất, di dời tài sản, giải phóng mặt bằng, không có mặt bằng thi công.

- *Về văn hóa - xã hội:* Tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy ở bậc học Mầm non và Tiểu học do chưa có phương án tuyển dụng bổ sung mới để bù đắp cho số giáo viên về hưu và giáo viên thiếu theo quy định.

Do dịch bệnh Covid 19 nên công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động chưa đạt theo Kế hoạch đề ra; Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm đã triển khai đồng bộ tại tuyến huyện và tuyến xã, thị trấn, tuy nhiên khi triển khai vẫn gặp nhiều khó khăn nhất định về nguồn lực, kinh phí hoạt động nên triển khai hiệu quả chưa cao.

- *Về quốc phòng, an ninh:* Hoạt động của bọn phản động FULRO lưu vong ở nước ngoài hoạt động tinh vi với nhiều hình thức, từ đó xảy ra hoạt động thông tin, liên lạc móc nối với cơ sở ngầm bên trong trên địa bàn. Tình hình tranh chấp, khiếu kiện đất đai ở một số nơi của người dân với các doanh nghiệp, do không thống nhất được mức chi phí bồi thường, hỗ trợ. Về an ninh tôn giáo một số nơi nắm chưa chắc tình hình; công tác quản lý, phối hợp tuyên truyền ở một số nơi hiệu quả chưa cao.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM 2021

Để tiếp tục cụ thể hóa thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025 theo từng năm. UBND huyện đề ra các chỉ tiêu, giải pháp phấn đấu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trong năm 2021, cụ thể như sau:

A. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế 9,9%, trong đó: Nông, lâm, ngư nghiệp tăng 6,47%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng tăng 12,59%; Dịch vụ tăng 14,58%.

2. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp 54,04%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 17,32%; Dịch vụ 28,64%.

3. Tổng diện tích gieo trồng 60.257 ha, gồm:

- Diện tích cây hàng năm 35.175 ha, trong đó: Lúa nước 14.778 ha, ngô 12.300 ha, các loại cây trồng khác 8.097 ha.

- Diện tích cây lâu năm 26.082 ha, trong đó: Cà phê 18.000 ha, cao su 947 ha, điều 745 ha, hồ tiêu 1.392 ha, cây trồng khác 4.998 ha.

4. Tổng sản lượng lương thực 192.900 tấn, trong đó: Thóc 102.900 tấn, ngô 90.000 tấn. Sản lượng cà phê nhân xô 36.000 tấn.

5. Đảm bảo nước tưới đạt 80% diện tích gieo trồng có nhu cầu tưới.

6. Chăn nuôi: Tổng đàn trâu 4.400 con, đàn bò 38.000 con, đàn lợn 230.000 con. Tổng đàn gia cầm: 3.000.000 con.

7. Diện tích nuôi thả cá 1.900 ha; sản lượng đánh bắt 2.600 tấn.

8. Độ che phủ rừng 4,8%.

9. Cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 1.230 cơ sở.

10. 100% thôn, buôn có điện; 100% hộ gia đình có điện sinh hoạt.

11. Đầu tư nâng cấp bê tông nhựa đường liên xã, thị trấn 94%; bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng đường thôn, liên thôn 70%.

12. Cơ sở thương mại - dịch vụ 5.584 cơ sở.

13. Thu ngân sách trên địa bàn 151.700 triệu đồng, trong đó: Thuế, phí và lệ phí 95.000 triệu đồng, thu biện pháp tài chính 56.700 triệu đồng. Tổng chi ngân sách 906.358 triệu đồng, trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản 40.000 triệu đồng, chi thường xuyên 792.271 triệu đồng, chi dự phòng ngân sách 17.455 triệu đồng, chi thực hiện các mục tiêu 41.632 triệu đồng; chi tạo nguồn cải cách tiền lương 10.500 triệu đồng; chi nguồn tăng thu thuế phí, lệ phí 4.500 triệu đồng.

14. Huy động vốn toàn xã hội 1.350 tỷ đồng.

15. Thu nhập bình quân đầu người 49 triệu đồng/người/năm.

16. Thu gom xử lý rác thải tại khu vực Trung tâm thị trấn Phước An 100%; khu vực Trung tâm các xã 100% trở lên.

17. 100% dân cư thị trấn sử dụng nước hợp vệ sinh; 96% dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

18. Phấn đấu xây dựng 01 xã (Ea Kly) nông thôn mới kiểu mẫu nâng cao; 02 xã (Hòa Đông, Ea Kênh) nông thôn mới kiểu mẫu; tập trung nguồn lực cho xây dựng 03 xã về đích Nông thôn mới, duy trì 12 xã nông thôn mới.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Duy trì tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 75%; duy trì tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn 12%.

2. Nâng tỷ lệ trẻ được ăn bán trú trong các trường Mầm non, Mẫu giáo đạt tỷ lệ 85,7%.

3. Tỷ lệ lên lớp bậc Tiểu học đạt 98%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học 99,5%. Tỷ lệ lên lớp bậc THCS đạt 99%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THCS 99,5%.

4. Công nhận 03 trường đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 64,1%.

5. Giảm tỷ suất sinh 0,30‰; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 8 loại vaccine 95%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đạt trên 87%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,0%.

6. Phấn đấu 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa; 245 thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận, tái công nhận thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa. Tổ chức 10 giải thể thao cấp huyện.

7. Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm từ 2-2,5%.

8. Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

9. Vận động 500 triệu đồng “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”.

10. Mở 11 lớp đào tạo nghề, với 550 lao động nông thôn. Giải quyết việc làm mới cho 3.400 lao động, xuất khẩu lao động 35 người/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 50%, tỷ lệ qua đào tạo nghề đạt 41%.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

1. Dự kiến triển khai 11 Đoàn thanh tra, trong đó: thanh tra kinh tế - xã hội 08 đoàn; thanh tra trách nhiệm 03 đoàn. Thực hiện tốt công tác tiếp dân; xử lý và giải quyết kịp thời đúng pháp luật đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Tăng cường công tác Thanh tra; thực hiện có hiệu quả chương trình phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

3. Phấn đấu cải thiện vị trí thứ hạng chỉ số cải cách hành chính của huyện.

4. Tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo Đề án vị trí việc làm. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao trách nhiệm và hiệu quả công tác của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về Tôn giáo, Dân tộc.

5. Triển khai nhiệm vụ quốc phòng, quân sự gắn nền quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, đảm bảo giữ vững ổn định an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, không để xảy ra bị động, bất ngờ. Tổ chức huấn luyện cho lực lượng dự bị động viên đạt chỉ tiêu về quân số 98,5% trở lên; tổ chức huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu 100% kế hoạch; tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Tổ chức diễn tập chiến đấu trị an theo Nghị quyết số 28-NQ/BCT của Bộ Chính trị cho 7 xã và 01 đơn vị.

6. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, không để xảy ra biểu tình bạo loạn, bị động, bất ngờ. Phấn đấu kiểm, giảm tai nạn giao thông từ 10% trở lên cả 3 tiêu

chí; giảm từ 3% số vụ phạm pháp hình sự, đấu tranh có hiệu quả với tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, môi trường, ma túy; tỷ lệ điều tra làm rõ số vụ án hình sự đạt trên 85%, trong đó điều tra làm rõ trên 90% án hình sự đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, số vụ khởi tố hoàn thành điều tra đạt trên 80%.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Xây dựng kế hoạch tập trung thực hiện các giải pháp để đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh phát triển, từng bước nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp và từng sản phẩm; chuyển đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi có giá trị kinh tế và mức độ thích nghi cao; ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng và giảm chi phí sản xuất; kết nối sản xuất nông nghiệp với các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm và công nghiệp chế biến để nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm và nâng cao giá trị gia tăng; thu hút các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là các doanh nghiệp có tiềm lực mạnh đầu tư vào sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân sản xuất theo Kế hoạch, quy trình. Khuyến khích nhân dân sử dụng các loại phân bón, thuốc trừ sâu thân thiện với môi trường nhằm tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông lâm nghiệp trên địa bàn để bảo vệ quyền lợi cho nông dân. Thực hiện tốt chương trình tái canh cây cà phê, áp dụng các biện pháp thâm canh, xen canh cây trồng, cải tạo diện tích cà phê theo hướng bền vững.

Kiểm soát chặt chẽ tình hình sản xuất kinh doanh giống, thức ăn, thuốc thú y trên địa bàn huyện; chủ động công tác vệ sinh thú y, tiêu độc khử trùng định kỳ các cơ sở, các hộ chăn nuôi và các khu vực buôn bán gia súc gia cầm để kiểm soát dịch bệnh. Ứng dụng những kỹ thuật mới về chuồng trại như chuồng lạnh khép kín nhằm tăng năng suất giảm thiểu dịch bệnh. Đẩy mạnh quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGap) nhằm đảm bảo năng xuất chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, tăng độ che phủ rừng. Tổ chức tập huấn, hội thảo, triển khai các mô hình, phổ biến các văn bản pháp luật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, thú y cho người dân trên địa bàn; thực hiện các mô hình thủy sản nhằm chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân; thả cá giống bổ sung, tái tạo nguồn lợi thủy sản tại các hồ đập trên địa bàn nhằm tạo sinh kế cho người dân sống xung quanh hồ, đập.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống bão lụt và giảm nhẹ thiên tai; khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi, điều tiết nước tưới hợp lý, huy động lực lượng lao động địa phương làm thủy lợi, khơi thông dòng chảy đảm bảo nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, khuyến khích nông dân tưới nước tiết kiệm.

2. Tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất gạch thực hiện lộ trình chuyển đổi mô hình sản xuất gạch không nung; xử lý dứt điểm các cơ sở sản xuất gạch; khai thác cát vi phạm quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi, thủ tục nhanh chóng để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài huyện đầu tư các dự án trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn huyện.

4. Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, các công trình hạ tầng quan trọng. Tăng cường mở rộng hoạt động bán buôn, bán lẻ, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển dịch vụ; đảm bảo kinh doanh bình đẳng, ngăn ngừa tình trạng kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.

5. Tiếp tục triển khai, đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng toàn bộ dự án khu đô thị Đông Bắc; di dời dân cư nông thôn xã Ea Kênh; tạo điều kiện phát triển các dự án trên địa bàn; lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất tại các dự án khi đủ điều kiện. Rà soát quy hoạch tổng thể của huyện và điều chỉnh quy hoạch xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, triển khai cụ thể hóa quy hoạch đã được phê duyệt.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng, thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát chất lượng xây dựng công trình. Có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, đầu tư các tuyến đường đã xuống cấp, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn đầu tư của Nhà nước. Tập trung vốn cho các công trình cấp bách, công trình phục vụ phòng chống thiên tai, bão lụt, công trình xây dựng nông thôn mới. Tập trung giải quyết những tồn đọng trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án.

7. Tăng cường quản lý nguồn thu ngân sách trên địa bàn, đảm bảo thu đúng, thu đủ, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thuế; xử lý nghiêm các trường hợp nợ đọng thuế, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và các đối tượng nộp thuế; đảm bảo nguồn thu cân đối ngân sách của địa phương; quản lý, sử dụng ngân sách hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc việc phân cấp ngân sách cho các đơn vị và các xã, thị trấn theo đúng quy định. Kịp thời cấp phát các khoản kinh phí thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước. Đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu kế hoạch.

8. Thường xuyên kiểm tra quản lý tài nguyên đất đai, khoáng sản và môi trường theo quy hoạch; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Thường xuyên giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai của các tổ chức và hộ gia đình cá nhân như: cấp mới, chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện các quyền của người sử dụng đất cho nhân dân theo quy định của Pháp luật. Thực hiện có hiệu quả chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

9. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, phát huy sự tích cực, chủ động tham gia thực hiện Chương trình của người dân và sự quan tâm của

toàn xã hội, phổ biến những cách làm hay, các mô hình hiệu quả để cán bộ, nhân dân được biết để từ đó nhân rộng và chủ động thực các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phát huy nguồn vốn lồng ghép một cách có hiệu quả trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giải ngân kịp thời nguồn vốn bố trí xây dựng nông thôn mới.

10. Tiếp tục thực hiện tốt chế độ, chính sách của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Công tác Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục, phải bám sát thực tiễn, bám sát cơ sở một cách có hệ thống, tìm tòi, phát hiện và nhân rộng mô hình tốt, giải quyết kịp thời, dứt điểm những khó khăn vướng, phát sinh, nhất là tình trạng học sinh bỏ học, tình trạng thừa thiếu giáo viên, từng bước xóa bỏ tình trạng cơ sở vật chất trường học tạm bợ, xuống cấp. Tiếp tục thực hiện Đề án sáp nhập các trường trên địa bàn huyện.

- Chú trọng công tác kiểm tra chuyên đề, định kỳ và đột xuất tại các trường học. Kịp thời chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém liên quan đến công tác quản lý, giảng dạy, tài chính...

2. Công tác Y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và y đức của cán bộ y tế ở tất cả các tuyến (từ tuyến huyện đến tuyến xã). Công tác giám sát phòng bệnh trên địa bàn huyện đặc biệt chú trọng giám sát theo dõi dịch bệnh Covid-19, dịch cúm A(H5N1), cúm A(H7N9), Bệnh sốt xuất huyết, bệnh Tay - Chân - Miệng, đề xuất các biện pháp phòng, chống dịch kịp thời. Đẩy nhanh công tác tuyên truyền các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thực phẩm và người dân cách phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm, cách lựa chọn thực phẩm an toàn, bảo đảm thực phẩm sạch.

3. Văn hóa - Thể thao và Thông tin tuyên truyền

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị và xã, thị trấn để giải quyết công việc chuyên môn và giải quyết thủ tục hành chính với tổ chức, cá nhân. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng về nội dung và hình thức tuyên truyền các chủ trương của Đảng chính sách pháp luật của nhà nước; các sự kiện, lễ hội lớn của đất nước và địa phương đến với nhân dân.

- Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, góp phần xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh, tiến bộ ở cơ sở. Xây dựng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" phát triển bền vững, tạo tiền đề xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; đồng thời, gắn với việc tiếp tục thực hiện "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", tạo thành phong trào thi đua liên tục và sôi nổi; xây dựng các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn huyện.

- Tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa, kinh doanh sản phẩm văn hóa trên địa bàn. Nâng cao chất lượng tin, bài, phóng sự, chuyên mục phát thanh – truyền hình bằng tiếng phổ thông và tiếng Êđê.

4. Các chính sách an sinh xã hội

- Tiếp tục thực hiện kịp thời các chế độ liên quan đến các đối tượng chính sách người có công. Tổ chức động viên thăm hỏi đối với gia đình chính sách người có công với cách mạng nhân dịp tết Nguyên đán năm 2021 và kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh, Liệt sĩ. Điều chỉnh tăng giảm, giải quyết các chế độ liên quan đến các đối tượng chính sách người có công.

- Xây dựng Kế hoạch về công tác điều tra cung, cầu lao động; tổ chức tập huấn cập nhật biến động lao động cung cầu lao động năm 2021 cho trưởng các thôn, buôn, tổ dân phố của 16 xã, thị trấn trong toàn huyện; lập kế hoạch rà sát, điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2020 được thụ hưởng năm 2021 theo chuẩn mới.

- Thường xuyên quan tâm chăm sóc, bảo vệ quyền lợi của trẻ em, rà soát trẻ em lang thang và trẻ em có nguy cơ lang thang đề nghị có chính sách giúp đỡ, quản lý... Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về giới và ý thức trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ, công chức, viên chức, các tầng lớp nhân dân, lên án, đấu tranh chống tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi phân biệt đối xử, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

1. Thanh tra, Tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thanh tra: Thanh tra theo kế hoạch 11 đoàn, gồm: 05 đoàn thanh tra kinh tế xã hội, 03 đoàn thanh tra trách nhiệm và 03 đoàn thanh tra đất đai. Đơn đốc các đơn vị thực hiện tốt quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời, triệt để đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, không để xảy ra việc khiếu kiện đông người phức tạp gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; kiểm tra, rà soát và xử lý các vụ việc còn tồn đọng, kéo dài để giải quyết dứt điểm các vụ việc.

2. Công tác Tư pháp

Nâng cao năng lực công tác xây dựng, theo dõi thi hành pháp luật, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đảm bảo các văn bản QPPL do HĐND, UBND ban hành đúng trình tự, thẩm quyền, nội dung phù hợp với pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của huyện.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo phương châm “hướng mạnh về cơ sở”, gắn với kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở, tủ sách pháp luật và xây dựng, thực hiện có hiệu quả hương ước, quy ước tại thôn, buôn, tổ dân phố.

3. Công tác xây dựng chính quyền

- Công tác tổ chức cán bộ: Tiếp tục kiện toàn, củng cố và nâng cao năng lực quản lý, điều hành chính quyền các cấp; cơ cấu tổ chức bộ máy, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ, sắp xếp bộ máy tinh gọn, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ chính trị, năng lực công tác của cán bộ, công chức, viên chức toàn huyện.

- Công tác xây dựng chính quyền: Tiếp tục xây dựng kế hoạch thi tuyển viên chức sự nghiệp giáo dục để đáp ứng nhu cầu và chỉ tiêu đã giao về các trường học trong thời gian tới; thi tuyển cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn huyện theo kế hoạch của UBND tỉnh đề ra. Thực hiện nghiêm túc việc sáp nhập các trường học; thôn, buôn, tổ dân phố, các đơn vị hành chính cấp xã theo đúng lộ trình và quy định hiện hành.

- Công tác tôn giáo: Tiếp tục giải quyết thực hiện các nhu cầu tôn giáo trên địa bàn theo quy định pháp luật; thực hiện quy định giám sát hoạt động tôn giáo.

- Công tác Thi đua – Khen thưởng: Thường xuyên quan tâm giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền theo đúng quy định.

- Công tác Cải cách hành chính: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo đề án đã phê duyệt, đặc biệt phối hợp triển khai thực hiện tốt việc ứng dụng phần mềm iDesk trong cải cách thủ tục hành chính công hiện nay, tăng cường triển khai phổ biến việc sử dụng thành thạo chữ ký điện tử trong chỉ đạo điều hành của từng đơn vị; nâng cao chất lượng phục vụ, giải quyết kịp thời thủ tục hành chính theo quy định tại bộ phận 1 cửa, 1 cửa liên thông.

4. Công tác quốc phòng, quân sự

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu ở các cấp theo quy định. Quán triệt tổ chức thực hiện chỉ thị, chỉ lệnh, quy định về sẵn sàng chiến đấu trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên. Bổ sung kế hoạch và tổ chức luyện tập các phương án sẵn sàng chiến đấu không để bị động, bất ngờ. Tăng cường các hoạt động nắm tình hình địa bàn, kết hợp làm công tác vận động quần chúng phối hợp, thường xuyên nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; âm mưu, thủ đoạn, hoạt động phá hoại các đối tượng phản động, chống đối trên địa bàn; kịp thời phát hiện các vụ việc phức tạp xảy ra, xử lý đúng quy định; không để gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

5. An ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội

Về an ninh - chính trị: Tăng cường lực lượng ở cơ sở, phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình trong nhân dân, có biện pháp tiếp tục giữ vững an ninh - chính trị. Đấu tranh xóa bỏ các đối tượng hoạt động FULRO ngấm trên địa bàn; kiên quyết xóa bỏ tà đạo và các hoạt động tôn giáo trái phép; không để xảy ra “điểm nóng” về an ninh trật tự. Bảo vệ tuyệt đối an toàn Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; bầu cử HĐND các cấp và Quốc hội khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026.

Về trật tự an toàn xã hội: Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực trật tự an toàn xã hội; triển khai đồng bộ các mặt công tác của lực lượng công an; mở các đợt cao điểm truy quét, tấn công trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm hình sự, tội phạm có tổ chức, tội phạm mua, bán chất ma túy... nhằm đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong các dịp lễ, tết và sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn.

Thực hiện quyết liệt các giải pháp quản lý trật tự giao thông đường bộ, đẩy mạnh công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm luật giao thông đường bộ, nhằm giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác năm 2020 và phương hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2021 của UBND huyện Krông Pắc./.

Nơi nhận: *MW*

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND&UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Xuân Diệu

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020 CỦA HUYỆN KRÔNG PÁC

(Kèm theo Báo cáo số 505 /BC-UBND, ngày 18 /12/2020 của UBND huyện)

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh		Năm 2021		Ghi chú
				Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So với kế hoạch 2020 (%)	So với thực hiện năm 2019 (%)	Kế hoạch	So với ước thực hiện 2020 (%)	
I	KINH TẾ									
1	Tổng giá trị sản xuất (Giá SS 2010)	Tỷ đồng	7.973	8.809	8.816	100,08	110,56	9.689	109,90	
	Phân theo ngành kinh tế									
1.1	- Nông lâm, thủy sản	Tỷ đồng	4.379	4.653	4.700	101,00	107,31	5.004	106,47	
	Trong đó:									
	Trồng trọt	Tỷ đồng	3.075	3.086	3.189	103,33	103,71	3.323	104,20	
	Chăn nuôi	Tỷ đồng	1.201	1.444	1.385	95,89	115,31	1.549	111,90	
	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	25	40	43	108,33	173,33	46	105,77	
	Thủy sản	Tỷ đồng	79	83	83	99,84	105,28	86	103,54	
1.2	- Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	1.349	1.581	1.565	98,99	116,01	1.762	112,59	
	Trong đó: Công nghiệp	Tỷ đồng	954	1.125	1.113	98,93	116,67	1.253	112,58	
	Xây dựng	Tỷ đồng	395	456	452	99,12	114,43	509	112,61	
1.3	- Dịch vụ	Tỷ đồng	2.245	2.575	2.551	99,07	113,63	2.923	114,58	
	Trong đó: Thương mại	Tỷ đồng	1.171	1.347	1.339	99,41	114,35	1.537	114,79	
2	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	9,11	9,5-10	10,56			9,90		
	Trong đó									
	- Nông lâm, thủy sản	%	2,91	6,25	7,31			6,47		
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	20,77	12,60	16,01			12,59		
	- Dịch vụ	%	16,02	14,70	13,63			14,58		
3	* Tổng giá trị sản xuất (giá hiện hành)	Tỷ đồng	12.119	13.330	13.351	100,16	110,17	14.659	109,80	
	Phân theo ngành kinh tế									
3.1	- Nông lâm, thủy sản	Tỷ đồng	6.966	7.372	7.440	100,92	106,80	7.922	106,48	
	Trong đó:									
	Trồng trọt	Tỷ đồng	4.912	4.910	5.073	103,32	103,28	5.286	104,20	
	Chăn nuôi	Tỷ đồng	1.912	2.297	2.202	95,86	115,17	2.464	111,90	
	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	32	52	52	100,00	162,50	55	105,77	
	Thủy sản	Tỷ đồng	110	113	113	100,00	102,73	117	103,54	
3.2	- Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	1.941	2.274	2.250	98,94	115,92	2.539	112,84	
	Trong đó: Công nghiệp	Tỷ đồng	1.393	1.641	1.623	98,90	116,51	1.831	112,82	
	Xây dựng	Tỷ đồng	548	633	627	99,05	114,42	708	112,92	
3.3	- Dịch vụ	Tỷ đồng	3.212	3.684	3.661	99,38	113,98	4.198	114,67	
	Trong đó: Thương mại	Tỷ đồng	1.661	1.910	1.902	99,58	114,51	2.179	114,56	
3	Cơ cấu kinh tế theo giá hiện hành									
	- Nông lâm, thủy sản	%	57,48	55,68	55,73	100,08	96,95	54,04	96,98	
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	16,02	16,50	16,85	102,14	105,22	17,32	102,78	
	- Dịch vụ	%	26,50	27,82	27,42	98,57	103,46	28,64	104,44	
4	Thu nhập bình quân đầu người (Giá hiện hành)	Tr. đồng	42,37	45,29	45,30	100,02	106,92	49,00	108,17	
5	Huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	964	1.309	1.309	100,00	135,79	1.350	103,13	
II	THU CHI NGÂN SÁCH									

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh		Năm 2021		Ghi chú
				Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So với kế hoạch 2020 (%)	So với thực hiện năm 2019 (%)	Kế hoạch	So với ước thực hiện 2020 (%)	
2.1	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Triệu đồng	172.490	177.700	177.800	100,06	103,08	151.700	85,32	
	<i>Trong đó:</i>									
	- Tổng thu ngân sách nhà nước về thuế phí, lệ phí	Triệu đồng	91.657	106.000	97.700	92,17	106,59	95.000	97,24	
	- Tổng thu ngân sách nhà nước về biện pháp tài chính	Triệu đồng	80.833	71.700	80.100	111,72	99,09	56.700	70,79	
	<i>Trong đó:</i>									
	+ Thu tiền sử dụng đất	Triệu đồng	76.188	65.000	74.000	113,85	97,13	50.000	67,57	
	+ Thu xử phạt hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông	Triệu đồng	2.300	4.800	4.000	83,33	173,91	4.800	120,00	
	+ Thu khác ngân sách	Triệu đồng	1.336	1.000	1.000	100,00	74,85	1.000	100,00	
	+ Thu tại xã	Triệu đồng	1.009	900	1.100	122,22	109,02	900	81,82	
	- Các khoản thu ngân sách NN được để lại quản lý qua ngân sách	Triệu đồng								
2.2	Chi ngân sách địa phương	Triệu đồng	1.022.822	1.043.468	1.196.438	114,66	116,97	906.358	75,75	
	<i>Trong đó:</i>									
2.2.1	Chi cân đối ngân sách	Triệu đồng	851.527	901.570	899.048	99,72	105,58	849.726	94,51	
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	32.000	86.845	88.915	102,38	277,86	40.000	44,99	
	Chi thường xuyên	Triệu đồng	803.809	797.122	792.530	99,42	98,60	792.271	99,97	
	Dự phòng ngân sách	Triệu đồng	15.718	17.603	17.603	100,00	111,99	17.455	99,16	
2.2.2	Chi thực hiện một số mục tiêu, NV từ nguồn BS có mục tiêu	Triệu đồng	171.295	127.898	191.414	149,66	111,75	41.632	21,75	
2.2.3	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ 70% tăng thu năm 2019	Triệu đồng		9.800	9.800	100,00		10.500	107,14	
2.2.4	Chi từ nguồn các năm trước chuyển sang	Triệu đồng			91.976				0,00	
2.2.5	Chi từ nguồn tăng thu thuế phí, lệ phí năm 2019 chuyển sang (30%)	Triệu đồng		4.200	4.200	100,00		4.500	107,14	
III	NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT									
	Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản									
1	- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (giá SS 2010)	Tỷ đồng	4.380	4.653	4.700	101,00	107,31	5.004	106,47	
	Trồng trọt	Tỷ đồng	3.075	3.086	3.189	103,33	103,70	3.323	104,20	
	Chăn nuôi	Tỷ đồng	1.201	1.444	1.385	95,90	115,31	1.549	111,90	
	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	25	40	43	108,33	173,33	46	105,77	
	Thủy sản	Tỷ đồng	79	83	83	99,84	105,28	86	103,54	
2	- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	6.966	7.372	7.440	100,92	106,80	7.922	106,48	
	+ Giá trị sản xuất ngành trồng trọt	Tỷ đồng	4.912	4.910	5.073	103,32	103,28	5.286	104,20	
	+ Giá trị sản xuất chăn nuôi	Tỷ đồng	1.912	2.297	2.202	95,86	115,17	2.464	111,90	
	+ Giá trị sản xuất lâm nghiệp	Tỷ đồng	32	52	52	100,00	162,50	55	105,77	
	+ Giá trị sản xuất thủy sản	Tỷ đồng	110	113	113	100,00	102,73	117	103,54	
3	Tổng diện tích gieo trồng	Ha	60.411	60.411	61.257	101,40	101,40	61.257	100,00	

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh		Năm 2021		Ghi chú
				Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So với kế hoạch 2020 (%)	So với thực hiện năm 2019 (%)	Kế hoạch	So với ước thực hiện 2020 (%)	
3.1	Diện tích cây hàng năm	Ha	35.000	35.000	35.175	100,50	100,50	35.175	100,00	
	Lúa	Ha	14.700	14.700	14.778	100,53	100,53	14.778	100,00	
	Ngô	Ha	12.300	12.300	12.300	100,00	100,00	12.300	100,00	
	Các loại cây trồng khác	Ha	8.000	8.000	8.097	101,21	101,21	8.097	100,00	
3.2	Diện tích cây lâu năm	Ha	25.411	25.411	26.082	102,64	102,64	26.082	100,00	
	Diện tích cà phê	Ha	18.000	18.000	18.000	100,00	100,00	18.000	100,00	
	Diện tích cao su	Ha	1.147	1.147	947	82,56	82,56	947	100,00	
	Diện tích điều	Ha	745	745	745	100,00	100,00	745	100,00	
	Diện tích hồ tiêu	Ha	1.436	1.436	1.392	96,94	96,94	1.392	100,00	
	Cây khác, cây ăn quả (Trồng xen)	Ha	4.083	4.083	4.998	122,41	122,41	4.998	100,00	
4	Sản phẩm chủ yếu									
4.1	Sản lượng lương thực	Tấn	183.400	192.000	192.900	100,47	105,18	192.900	100,00	
-	Sản lượng thóc	Tấn	101.000	102.000	102.900	100,88	101,88	102.900	100,00	
-	Sản lượng ngô	Tấn	82.400	90.000	90.000	100,00	109,22	90.000	100,00	
4.2	Sản lượng cà phê nhân xô	Tấn	38.000	37.000	36.000	97,30	94,74	36.000	100,00	
5	Diện tích đầm bảo nước tưới	%	78,2	80,0	80,0	100,00	102,30	80,0	100,00	
6	Tổng đàn chăn nuôi									
	Trâu	Con	4.420	4.420	4.420	100,00	100,00	4.400	99,55	
	Bò	Con	38.817	37.000	37.000	100,00	95,32	38.000	102,70	
	Tổng đàn lợn	Con	180.000	230.000	200.000	86,96	111,11	230.000	115,00	
	Tổng đàn gia cầm	1000 con	2.230	3.000	3.000	100,00	134,53	3.000	100,00	
7	Thủy sản									
	Diện tích mặt nước nuôi cá	Ha	1.900	1.900	1.900	100,00	100,00	1.900	100,00	
	Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	2.500	2.600	2.600	100,00	104,00	2.600	100,00	
8	Trồng rừng									
	Độ che phủ của rừng	%	4,7	4,7	4,7	100,00	100,00	4,8	102,13	
9	Nước sinh hoạt									
	Dân cư thị trấn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	100,0	100,0	100,0	100,00	100,00	100,0	100,00	
	Dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	93,00	93,00	95,52	102,71	102,71	96,00	100,50	
10	Xây dựng nông thôn mới									
	Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	2	2	2	100,00	100,00			
	Duy trì xã nông thôn mới	Xã						12		
	Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu	Xã						2		
	Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao	Xã						1		
11	Môi trường									
	Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải tại khu vực trung tâm thị trấn	%	94,00	100,00	94,00	94,00	100,00	94,00	100,00	
	Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải tại khu vực trung tâm các xã	%	79,00	100,00	79,00	79,00	100,00	79,00	100,00	
IV	CÔNG NGHIỆP - XÂY DỰNG									

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh		Năm 2021		Ghi chú
				Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So với kế hoạch 2020 (%)	So với thực hiện năm 2019 (%)	Kế hoạch	So với ước thực hiện 2020 (%)	
1	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp									
	Tổng số cơ sở công nghiệp - TTCN	Cơ sở	1.181	1.217	1.210	99,42	102,46	1.230,00	101,65	
	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp (giá ss 2010)	Tỷ đồng	954	1.125	1.113	98,93	116,67	1.253,00	112,58	
	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp (giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.393	1.641	1.623	98,90	116,51	1.831,00	112,82	
3	Tỷ lệ thôn, buôn có điện	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
4	Tỷ lệ hộ được dùng điện	%	99,80	99,80	99,80	100,00	100,00	100,00	100,20	
5	Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ	Cơ sở	5.530	5.571	5.565	99,89	100,63	5.584,00	100,34	
	Giá trị sản xuất ngành Dịch vụ (giá ss 2010)	Tỷ đồng	2.245	2.575	2.551	99,07	113,63	2.923,00	114,58	
	<i>Trong đó: Thương mại</i>	Tỷ đồng	<i>1.171</i>	<i>1.347</i>	<i>1.339</i>	<i>99,41</i>	<i>114,35</i>	<i>1.537,00</i>	<i>114,79</i>	
	Giá trị sản xuất ngành Dịch vụ (giá hiện hành)	Tỷ đồng	3.212	3.684	3.661	99,38	113,98	4.198,00	114,67	
	<i>Trong đó: Thương mại</i>	Tỷ đồng	<i>1.661</i>	<i>1.910</i>	<i>1.902</i>	<i>99,58</i>	<i>114,51</i>	<i>2.179,00</i>	<i>114,56</i>	
6	Giá trị sản xuất ngành xây dựng									
	Theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	395	456	452	99,12	114,43	509,00	112,61	
	Theo giá hiện hành	Tỷ đồng	548	633	627	99,05	114,42	708,00	112,92	
V	GIAO THÔNG VÀ VẬN TẢI									
1	Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường tỉnh	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
2	Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường xã, liên xã	%	90,50	92,00	92,00	100,00	101,66	94,00	102,17	
3	Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường thôn, liên thôn	%	65,00	67,00	67,00	100,00	103,08	70,00	104,48	
4	Tỷ lệ xã có đường nhựa đến trung tâm	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
VI	Y TẾ									
1	Dân số trung bình	Ngàn người	194.607	196.553	196.553	100,00	101,00	198.519	101,00	
2	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,00	1,00	1,00			1,00		
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	17,50	16,90	16,80	99,41	96,00	16,50	98,21	
4	Giảm tỷ suất sinh hàng năm	‰	0,23	0,20	0,25	125,00	108,70	0,30	120,00	
5	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ phục vụ	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
6	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 8 loại vaccine	%	90,00	90,00	95,00	105,56	105,56	95,00	100,00	
8	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế)	Giường	9,37	9,75	9,75	100,00	104,06	13,23	135,69	
9	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế theo Quyết định của Thủ tướng chính phủ	%	78,69	80,32	86,09	107,18	109,40	90,00	104,54	
VII	LAO ĐỘNG, XÃ HỘI									
1	Giảm tỷ lệ hộ nghèo / năm	%	3,00	2,26	2,30	101,77	76,67	2,32	100,87	
2	Giảm tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực thành thị	%	2,30	2,30	2,30	100,00	100,00	2,25	97,83	
3	Giảm tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực nông thôn	%	3,30	3,30	3,30	100,00	100,00	3,25	98,48	
	Chính sách xã hội									
4	Vận động Quỹ đền ơn đáp nghĩa	Tr. đồng	694	450	698	155,11	100,54	500,00	71,63	

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh		Năm 2021		Ghi chú
				Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So với kế hoạch 2020 (%)	So với thực hiện năm 2019 (%)	Kế hoạch	So với ước thực hiện 2020 (%)	
	Lao động việc làm									
5	Số lao động được giải quyết việc làm	Người	3.215	3.200	3.226	100,81	100,34	3.400	105,39	
6	Lao động làm việc ngoài tỉnh	Người	2.319	2.100	1.817	86,52	78,35	2.200	121,08	
7	Lao động xuất khẩu	Người	40	35	2	5,71	5,00	35	1.750,00	
8	Đào tạo lao động nông thôn	Lớp	10	10	8	80,00	80,00	11	137,50	
	Số học viên được đào tạo nghề	Học viên	500	500	400	80,00	80,00	550,00	137,50	
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	48,00	50,00	49,00	98,00	102,08	50,00	102,04	
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	40,00	40,00	40,00	100,00	100,00	41,00	102,50	
VIII GIÁO DỤC										
1	Tỷ lệ trẻ được ăn bán trú trong các trường mầm non, mẫu giáo	%	85,00	85,50	85,50	100,00	100,59	85,70	100,23	
2	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	50,05	60,87	60,87	100,00	121,62	64,13	105,36	
3	Xây dựng thêm trường chuẩn quốc gia	Trường	5	7	7	100,00	140,00	3,00	42,86	
4	Tỷ lệ lên lớp bậc tiểu học	%	98,00	98,00	98,00	100,00	100,00	98,00	100,00	
5	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học	%	99,50	99,50	99,92	100,42	100,42	99,50	99,58	
6	Tỷ lệ lên lớp bậc THCS	%	98,50	99,00	99,00	100,00	100,51	99,00	100,00	
7	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Trung học sơ sở	%	99,00	99,50	99,74	100,24	100,75	99,50	99,76	
8	Duy trì tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	100,00	100,00	73,20	73,20	73,20	75,00	102,46	
9	Duy trì tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn	%	65,37	66,00	10,00	15,15	15,30	12,00	120,00	
IX VĂN HÓA - XÃ HỘI										
1	Tổ chức giải thể thao cấp huyện	Giải	10	10	5	50,00	50,00	10	200,00	
2	Tỷ lệ thôn, buôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá	%	73,94	77,46	84,00	108,44	113,61	85,00	101,19	
3	Thôn, buôn, tổ dân phố có cơ sở hạ tầng kinh tế, văn hoá xã hội theo chuẩn nông thôn mới	%	25,35	26,41	35,00	132,53	138,07	37,00	105,71	
4	Thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận, tái công nhận đơn vị văn hóa	Thôn, buôn	230	240	240	100,00	104,35	245,00	102,08	
5	Tỷ lệ hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá	%	96,00	98,00	98,00	100,00	102,08	100,00	102,04	
6	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, DN đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	90,00	90,00	90,00	100,00	100,00	92,00	102,22	
7	Tỷ lệ buôn đồng bào dân tộc thiểu số có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	92,00	97,00	92,00	94,85	100,00	95,00	103,26	
8	Tỷ lệ người tập thể dục, thể thao thường xuyên	%	35,00	37,00	35,00	94,59	100,00	35,50	101,43	
9	Tỷ lệ gia đình gia đình tập thể dục, thể thao thường xuyên	%	30,00	35,00	30,00	85,71	100,00	30,50	101,67	
X QUỐC PHÒNG										
1	Tỷ lệ Chi bộ quân sự xã, thị trấn có cấp uỷ	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
2	Tỷ lệ tuyển quân hàng năm	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
3	Diễn tập chiến đấu trị an hàng năm tại xã, thị trấn theo NQ 28	%	25,00	25,00				43,75		
	Tổng số xã, thị trấn	Xã	4	4				7,00		
	Tổng số đơn vị	Đơn vị	1	1				1,00		
4	Xây dựng lực lượng dự bị động viên hàng năm	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
5	Tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đạt tiêu chuẩn									

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh		Năm 2021		Ghi chú
				Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So với kế hoạch 2020 (%)	So với thực hiện năm 2019 (%)	Kế hoạch	So với ước thực hiện 2020 (%)	
	- Tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ đạt tiêu chuẩn	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
	- Tổ chức huấn luyện cho lực lượng dự bị động viên đạt tiêu chuẩn	%	98,40	98,50	98,50	100,00	100,10	98,50	100,00	
XII	AN NINH									
1	Tỷ lệ giải quyết tin báo tố giác tội phạm	%	92,40	92,00	90,50	98,37	97,94	90,00	99,45	
2	Tỷ lệ điều tra làm rõ số vụ án hình sự	%	85,00	85,00	90,20	106,12	106,12	85,00	94,24	
	Trong đó: - Điều tra làm rõ án hình sự nghiêm trọng, rất nghiêm trọng	%	90,00	90,00	100,00	111,11	111,11	90,00	90,00	
	- Số vụ khởi tố hoàn thành điều tra	%	87,00	87,00	80,00	91,95	91,95	80,00	100,00	
3	Giảm tỷ lệ tai nạn giao thông đường bộ so với năm trước (trên cả 3 tiêu chí: số vụ, số người chết và số người bị thương)	%	20,00	15,00	Tăng 93,3			10,00		